

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:420/2018/HSST

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái
Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến—chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành
phố Thái Nguyên. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 417/2018/HSST,
ngày 01 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
417/2018/QĐXXST-HS ngày 15/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Đình T, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 30/7/1997. Nơi
đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm C, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề
nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn
giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T; Con bà: Dương Thị
Nh; Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền
án - tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện bị
cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Anh Trần Văn L, sinh năm 1993, trú tại: Xóm Cậy, xã Huống
Thượng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 30/6/2018, Trần Đình T đến nhà anh Trần Văn L (sinh năm 1993, trú tại: xóm C, xã H, thành phố T) là người cùng xóm với T chơi và ăn bún. Trong khi ăn bún, T đi xuống bếp nhà anh L để lấy thìa, khi đi qua phòng ngủ nhà anh L, T thấy phòng không khóa cửa, trong phòng có để 01 ví da màu đen để trên giường. Sau khi ăn bún xong, T đi chơi loanh quanh khoảng 15 phút thì quay lại nhà anh L, khi đó anh L đang rửa chén ở khu vực bàn uống nước trước cửa nhà. Do đang nợ tiền bạn bè chưa trả được, T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví da của anh L để lấy tiền trả nợ. Quan sát thấy trong nhà không có ai, T liền đi vòng vào cửa sau để đi vào nhà anh L, sau đó T đi vào phòng ngủ, dùng tay phải lấy chiếc ví da màu đen để trên giường rồi đi về theo lối cửa sau đi về nhà. Khi về đến nhà T lấy toàn bộ số tiền trong chiếc ví được 18.600.000 đồng cho vào túi ni lông rồi cất giấu trên mái nhà, dưới gầm bình chứa nước của gia đình T, còn chiếc ví T vứt ra khu vực bờ ao sau nhà.

Đến 19 giờ cùng ngày anh L phát hiện bị mất tài sản đã trình báo Công an xã Hương Thọ đến lập biên bản sự việc và mời T đến làm việc. Quá trình làm việc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ số tiền 18.600.000 đồng cùng chiếc ví da màu đen nhãn hiệu AJ, bên trong ví có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Trần Văn L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 227/HĐĐGTS ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Trị giá 01 (một) chiếc ví da màu đen nhãn hiệu AJ là 200.000 đồng

Tổng trị giá mà Trần Đình T đã chiếm đoạt của anh L là 18.800.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 419/CT-VKSTPTN ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Trần Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên;

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Đình T 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Đình T 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng, số IMEI; 359302069333885, đã qua sử dụng.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Trần Đình T: Không đối đáp, tranh luận. Nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận định giá. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/6/2018, tại xóm Cây, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên, Trần Đình T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc ví da màu đen nhãn hiệu AJ có trị giá 200.000 đồng, bên trong ví có 18.600.000 đồng và 01 bằng lái xe mô tô hạng A1 của anh Trần Văn L. Tổng trị giá tài sản T đã chiếm đoạt của anh L là

18.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền cùng chiếc ví và 01 bằng lái xe đã được thu hồi trả cho anh L, anh L không có yêu cầu đề nghị gì.

Như vậy với hành vi nêu trên của bị cáo Trần Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. Bản cáo trạng số: 419/CT-VKSTPTN ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Đình T về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, là mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị Tòa án cho cải tại địa phương, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã thật sự thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn

năn hối cải. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời thỉnh cầu của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện nay không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng, số IMEI; 359302069333885, đã qua sử dụng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng để liên lạc với bạn bè không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự

1/ Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T 12(Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Trần Đình T cho UBND xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

4/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Đình T 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng, số IMEI; 359302069333885, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng số 21 ngày 19/10/2018 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên)

5/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND,VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Huống Thượng,TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Lưu:Hồ sơ vụ án.

Trần Thị Minh Hải